

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2024 - 2025

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Thống nhất cách hiểu, cách làm trong thực hiện các giải pháp về giảm nghèo bền vững, hỗ trợ đúng đối tượng, hiệu quả góp phần giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo.

Nắm vững và thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp cho hộ và thành viên của hộ, khuyến khích mỗi thành viên của hộ nghèo, hộ cận nghèo có trách nhiệm trong việc thụ hưởng chính sách, dự án được hỗ trợ, phải cố gắng, nỗ lực lao động sản xuất, có ý thức vươn lên thoát nghèo.

##### 2. Yêu cầu

Cấp ủy, chính quyền các cấp vào cuộc quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo xác định rõ các nguyên nhân nghèo, chiều thiếu hụt để có giải pháp phù hợp điều kiện, hoàn cảnh của từng hộ; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện, động viên, khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo và thoát nghèo bền vững.

#### II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

##### 1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

- Phần đầu đến cuối năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh còn 1,13% giảm 2% so với năm 2023 (8.848 hộ nghèo thoát nghèo) đưa tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh thấp hơn mức bình quân chung của cả nước (dự kiến cả nước còn từ 1,93% - 1,83%).

- Năm 2025, tiếp tục duy trì tỷ lệ nghèo của tỉnh thấp hơn bình quân chung của cả nước. Dự kiến tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh dưới 0,7% so với tỷ lệ hộ nghèo cả nước (dự kiến cả nước còn từ 0,9%-0,8%).

- Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm từ 3%/năm đến 4%/năm.

- Một số xã, phường của thị xã Hoài Nhơn, thị xã An Nhơn và thành phố Quy Nhơn không còn hộ nghèo.

- Các huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh và An Lão, phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo dưới 6%. Huyện nghèo An Lão thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

**3. Thời gian thực hiện:** Năm 2024 và năm 2025

### **III. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

#### **1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền**

Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giảm nghèo; huy động nguồn lực của xã hội, bố trí nguồn lực ngân sách cho công tác giảm nghèo; thực hiện có hiệu quả các chương trình đảm bảo an sinh xã hội, các đề án, chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền nhằm khơi dậy ý chí vươn lên thoát nghèo; xây dựng các tin, bài, phóng sự tuyên truyền tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu đăng ký thoát nghèo. Kịp thời giới thiệu cách làm sáng tạo, mô hình hay, dự án thành công thành công về giảm nghèo trên các phương tiện thông tin, đại chúng, chú trọng tuyên truyền cho người dân sinh sống tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn về giảm nghèo.

Động viên, khích lệ người dân xóa bỏ tư tưởng muốn thuộc diện hộ nghèo để được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước; khơi dậy ý chí, khát vọng vươn lên thoát nghèo của mỗi địa phương, hộ gia đình.

#### **2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác giảm nghèo**

- Cấp ủy, chính quyền các cấp cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác giảm nghèo. Phân công trách nhiệm cho từng tổ chức, cá nhân trong thực hiện các chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện tốt Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Vận động, tiếp nhận và sử dụng hiệu quả Quỹ “Vì người nghèo” các cấp, huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ cho các địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao, phối hợp triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo ưu tiên người nghèo là dân tộc thiểu số, cao tuổi neo đơn, người khuyết tật, phụ nữ, trẻ em... gắn với lồng ghép thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh nhằm đảm bảo thoát nghèo bền vững. Chủ động giám sát công tác giảm nghèo trên địa bàn.

#### **3. Giải pháp về đảm bảo an sinh xã hội**

Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận đầy đủ thẻ BHYT. Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo cho gần 100.000 trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông, sinh viên tại các trường cao đẳng, đại học trong và ngoài tỉnh về miễn giảm

học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ vay tín dụng học sinh, sinh viên; hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 3.379 hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn tỉnh; huy động từ các nguồn ngoài ngân sách và vốn vay tín dụng ưu đãi cho 1.055 hộ nghèo, cận nghèo chưa tiếp cận nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh và 5.183 hộ chưa tiếp cận nhà tiêu hợp vệ sinh.

#### **4. Giải pháp về các nguyên nhân nghèo**

Toàn tỉnh còn 27.160 hộ nghèo, hộ cận nghèo, bao gồm: (1) Nguyên nhân không có đất sản xuất: 910 hộ; (2) nguyên nhân không có vốn sản xuất, kinh doanh: 1578 hộ; (3) nguyên nhân không có lao động: 4.968 hộ; (4) nguyên nhân không có công cụ/phương tiện sản xuất: 3.482 hộ; (5) nguyên nhân không có kiến thức về sản xuất: 2.262 hộ; (6) nguyên nhân không có kỹ năng lao động, sản xuất: 2.849 hộ; (7) nguyên nhân có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn: 6.049 hộ; (8) nguyên nhân khác: 6.991 hộ. Trên cơ sở thực trạng các nguyên nhân nghèo ở từng địa phương, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và thành viên trong hộ để có giải pháp cụ thể cho hộ và thành viên của hộ, trong đó:

a) Bố trí đất sản xuất cho 379 hộ nghèo, cận nghèo (huyện An Lão bố trí 379 hộ trên tổng số 402 hộ thiếu đất, còn lại 23 hộ huyện đổi nghề và thực hiện dự án phát triển sản xuất).

b) Chuyển đổi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghề cho 8.754 người lao động ở các nhóm nguyên nhân nghèo (nguyên nhân 1: 831 người; nguyên nhân 2: 847 người; nguyên nhân 4: 857 người; nguyên nhân 5 và 6: 4.237 người; nguyên nhân 7: 1.982 người) theo từng nhóm nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp phù hợp điều kiện khả năng của hộ.

c) Giới thiệu việc làm cho 2.382 người lao động với một số ngành nghề chủ yếu: Nghề may, lái xe, thợ xây dựng, nghề điện, phục vụ nhà hàng, công nhân nhà máy.. ở các nhóm nguyên nhân nghèo (nguyên nhân 1: 200 người; nguyên nhân 5 và 6: 633 người; nguyên nhân 7: 1.519 người).

d) Hỗ trợ cho 29 người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo tham gia xuất khẩu lao động tại các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan... (Hoài Ân 14 người; An Lão 09 người; Phù Mỹ 03 người; Phù Cát 02 người; Vĩnh Thạnh 01 người).

đ) Hỗ trợ vốn vay cho 4.085 hộ vay vốn; trong đó: Cho 34 hộ ở huyện Vân Canh vay vốn tạo việc làm về chăn nuôi, buôn bán (nguyên nhân 1); cho 1.395 hộ vay vốn sản xuất kinh doanh (nguyên nhân 2); cho 2.656 hộ vay vốn để mua sắm công cụ sản xuất (nguyên nhân 4).

Tuyên truyền, vận động 1.009 hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu về vay vốn phát triển sản xuất, hướng dẫn lập dự án để cho vay.

e) Thực hiện hỗ trợ cho 10.389 hộ tham gia các dự án phát triển sản xuất cộng đồng, liên kết theo chuỗi giá trị theo các nguyên nhân nghèo (nguyên nhân 1: 578 hộ; nguyên nhân 2: 725 hộ; nguyên nhân 4: 2.147 hộ; nguyên nhân 5 và 6: 3.851 hộ; nguyên nhân 7: 3.088 hộ), trong đó:

- Có 5.608 hộ đăng ký tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất chăn nuôi trâu, bò: Quy Nhơn: 27 hộ; Tuy Phước: 07 hộ; An Nhơn: 227 hộ; Phù Cát: 1.144 hộ; Phù Mỹ: 256 hộ; Hoài Nhơn: 180 hộ; Hoài Ân: 942 hộ; Tây Sơn: 470 hộ; Vân Canh: 1.085 hộ; Vĩnh Thạnh: 804 hộ; An Lão 466 hộ.

- Có 1.684 hộ đăng ký tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất chăn nuôi dê, heo: An Nhơn: 07 hộ; Phù Cát: 101 hộ; Phù Mỹ: 08 hộ; Hoài Ân: 421 hộ; Vân Canh: 205 hộ; Vĩnh Thạnh: 189 hộ; An Lão 753 hộ.

- Có 982 hộ đăng ký tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất chăn nuôi gà, vịt và một số loại khác: Quy Nhơn: 02 hộ; Tuy Phước: 137 hộ; An Nhơn: 48 hộ; Phù Cát: 283 hộ; Phù Mỹ: 49 hộ; Hoài Nhơn: 67 hộ; Hoài Ân: 10 hộ; Vân Canh: 146 hộ; Vĩnh Thạnh: 96 hộ; An Lão 144 hộ.

- Có 1.596 hộ đăng ký tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trồng trọt (lúa, bưởi, cam, dâu, cây lấy gỗ...): Tuy Phước: 01 hộ; Phù Cát: 43 hộ; Phù Mỹ: 06 hộ; Hoài Ân: 172 hộ; Tây Sơn: 62 hộ; Vân Canh: 665 hộ; Vĩnh Thạnh: 522 hộ; An Lão 125 hộ.

- Có 519 hộ đăng ký tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất chăn nuôi ngành nghề, kinh doanh, dịch vụ: An Nhơn: 40 hộ; Phù Cát: 96 hộ; Phù Mỹ: 97 hộ; Hoài Nhơn: 01 hộ; Hoài Ân: 29 hộ; Tây Sơn: 20 hộ; Vân Canh: 28 hộ; Vĩnh Thạnh: 206 hộ; An Lão 02 hộ.

f) Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh, theo đó hỗ trợ thêm 0,5 lần so với mức chuẩn trợ giúp xã hội hằng tháng cho nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm nâng cao đời sống, đảm bảo an sinh xã hội và hỗ trợ 36 tháng khi thoát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

## **5. Giải pháp đảm bảo an sinh xã hội đối với các chiều thiếu hụt**

a) Chiều thiếu hụt về việc làm: 11.522 hộ (hộ nghèo: 6.872 hộ; hộ cận nghèo: 4.650 hộ) có ít nhất một thành viên không có việc làm hoặc việc làm không ổn định.

Thực hiện hỗ trợ giới thiệu việc làm cho 11.522 người lao động. Nguồn kinh phí thực hiện từ lồng ghép các nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn hợp khác pháp theo quy định.

b) Chiều thiếu hụt về y tế: 23.429 hộ (hộ nghèo: 12.199 hộ; hộ cận nghèo: 11.230 hộ), trong đó:

- Chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng: 923 hộ (hộ nghèo: 597 hộ; hộ cận nghèo: 326 hộ) có ít nhất một trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi.

Thực hiện hỗ trợ từ nguồn kinh phí các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi.

- Chỉ số về bảo hiểm y tế: 22.506 hộ (hộ nghèo: 11.602 hộ; hộ cận nghèo: 10.904 hộ).

Thực hiện chính sách hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo và người thuộc cận nghèo theo Luật Bảo hiểm y tế năm 2014 và Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh.

c) Chiều thiếu hụt về giáo dục: 2.641 hộ (hộ nghèo: 2.045 hộ; hộ cận nghèo: 596 hộ), trong đó:

- Chỉ số trình độ giáo dục của người lớn: 2.217 hộ (hộ nghèo: 1.753 hộ; hộ cận nghèo: 464 hộ).

Thực hiện tổ chức đào tạo nghề từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các doanh nghiệp tuyển dụng người lao động.

- Chỉ số tình trạng đi học của trẻ em: 424 hộ (hộ nghèo: 292 hộ; hộ cận nghèo: 132 triệu đồng).

Hỗ trợ bồi dưỡng cho trẻ em dưới 16 tuổi con hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận bậc, cấp học theo độ tuổi, hạn chế bỏ học.

d) Chiều thiếu hụt về nhà ở, chỉ số chất lượng nhà ở: 3.379 hộ (hộ nghèo: 2.549 hộ; hộ cận nghèo: 830 hộ), cụ thể:

- Các chương trình mục tiêu quốc gia khoảng 480 nhà ở, trong đó: Giảm nghèo bền vững: 280 nhà ở; Dân tộc thiểu số và miền núi: 200 nhà ở.

- Đề án hỗ trợ nhà ở của tỉnh (theo Quyết định số 3336/QĐ-UBND ngày 0/9/2023 của UBND tỉnh): 2.788 nhà ở.

- Còn 111 nhà ở hộ nghèo, hộ cận nghèo: Huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

đ) Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 6.238 hộ, trong đó:

- Chỉ số nước sinh hoạt: 1.055 hộ (gồm 876 hộ nghèo và 179 hộ cận nghèo).

+ Đối với 92 hộ<sup>1</sup> sử dụng giếng khoan, giếng đào bị thiếu nước do khô hạn hoặc nguồn nước của gia đình nhiễm bẩn dùng chung nước nhà hàng xóm/sử dụng nước suối/khe mó trong sinh hoạt: Hỗ trợ khoan/đào giếng mới.

+ Đối với 419 hộ thuộc xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh (thôn K2, K3, Suối đá, K4, Suối Cát và K8): hỗ trợ đào/khoan giếng dùng chung cho cụm dân cư trên địa bàn các thôn để giải quyết kịp thời chỉ số thiếu hụt nước sạch trong sinh hoạt năm 2024; về lâu dài, UBND huyện chỉ đạo đơn vị có chức năng tiến hành khảo sát và đề xuất đầu tư các công trình cấp nước tập trung có chất lượng nước đạt quy chuẩn quy định để đảm bảo về số lượng, chất lượng cho người dân sử dụng.

+ Đối với 116 hộ<sup>2</sup> sử dụng nguồn nước giếng đào/khoan nhưng bị thiếu nước vào mùa nắng nóng: Hỗ trợ cải tạo giếng/âm bộng.

---

<sup>1</sup> Huyện Vân Canh: 07 hộ (xã Canh Vinh); huyện Vĩnh Thạnh: 73 hộ (thị trấn Vĩnh Thạnh và các xã Vĩnh Hòa, Vĩnh Thịnh); thị xã Hoài Nhơn: 12 hộ (xã Hoài Phú).

<sup>2</sup> Huyện An Lão: 04 hộ (thị trấn An Lão); huyện Phù Cát: 17 hộ (xã Cát Lâm); huyện Phù Mỹ: 02 hộ (xã Mỹ Châu); huyện Tây Sơn: 04 hộ (xã Tây Giang); Huyện Vân Canh: 57 hộ (thị trấn Vân Canh và xã Canh Thuận); huyện Vĩnh Thạnh: 32 hộ (thị trấn Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Hiệp và Vĩnh Thịnh).

+ Đối với 146 hộ<sup>3</sup> thiếu nước do nguồn nước nhiễm phèn/vôi, không sử dụng cho việc ăn uống: Hỗ trợ cung cấp dụng cụ/thiết bị xử lý nước.

+ Đối với 56 hộ (huyện Tây Sơn: 25 hộ và Vĩnh Thạnh: 31 hộ) thiếu nước do nguồn nước giếng bị khô hạn; nhiễm bẩn (phèn/vôi), không thể sử dụng cho việc ăn uống: Hỗ trợ cải tạo giếng, đồng thời, cung cấp dụng cụ/thiết bị xử lý nước.

+ Đối với 47 hộ<sup>4</sup> không có kinh phí đầu nối nước sạch từ các công trình cấp nước sạch tập trung: Đầu nối nước sạch cho người dân sử dụng.

+ Đối với 179 hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt nước sạch trong sinh hoạt, sử dụng nước từ các công trình cấp nước tập trung tự chảy vùng miền núi hẻo lánh, xuống cấp hoặc không hoạt động: UBND các huyện An Lão, Vân Canh và Vĩnh Thạnh thực hiện nâng cấp, sửa chữa hoặc xây dựng mới công trình cấp nước tập trung.

- Chỉ số nhà tiêu hợp vệ sinh: 5.183 hộ:

+ Thực hiện xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gắn với việc xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh.

+ Lồng ghép việc xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh ở các xã thực hiện xây dựng nông thôn mới, gắn với tiêu chí môi trường nông thôn.

+ Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, hỗ trợ cho hộ có nhu cầu vay xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh.

+ Huy động nguồn lực ngoài ngân sách Nhà nước để hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh.

e) Chiều thiếu hụt thông tin: 10.432 hộ (sử dụng dịch vụ viễn thông: 8.180 hộ; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: 2.252 hộ), thực hiện hỗ trợ:

- Thực hiện hỗ trợ cho 6.544 hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận, sử dụng internet, trong đó: năm 2024 có 2.453 hộ (1.793 hộ nghèo; 660 hộ cận nghèo); năm 2025 có 4.090 hộ (2.988 hộ nghèo; 1.102 hộ cận nghèo).

- Huy động các nguồn lực hợp pháp trên địa bàn tỉnh để triển khai hỗ trợ phương tiện tiếp cận, sử dụng internet cho 450 hộ nghèo, hộ cận nghèo, trong đó: năm 2024 hỗ trợ cho 225 hộ (196 hộ nghèo; 29 hộ cận nghèo); năm 2025 hỗ trợ cho 225 hộ (196 hộ nghèo; 29 hộ cận nghèo).

Nguồn kinh phí thực hiện từ: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Tiểu dự án 1-Dự án 6); huy động từ cộng đồng, doanh nghiệp hỗ trợ cho Chương trình.

## **6. Giải pháp về nâng cao năng lực**

- Đào tạo, bồi dưỡng khoảng 1.500 cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp nắm rõ được các nguyên nhân nghèo và chiều thiếu hụt để thống nhất hiểu và thực

<sup>3</sup> Huyện Phù Mỹ: 21 hộ (các xã: Mỹ Thành, Mỹ Trinh và Mỹ Đức); huyện Tây Sơn: 85 hộ (các xã: Bình Nghi, Bình Thành, Tây Bình và Bình Tân); huyện Vĩnh Thạnh: 34 hộ (thị trấn Vĩnh Thành, xã Vĩnh Hòa và Vĩnh Thịnh); thị xã An Nhơn: 06 hộ (phường Nhơn Thành).

<sup>4</sup> Huyện Phù Mỹ: 18 hộ (xã Mỹ Châu, Mỹ Đức và Mỹ Thành); huyện Tây Sơn: 10 hộ (xã Tây Giang và Bình Nghi); huyện Vân Canh: 05 hộ (thị trấn Vân Canh); huyện Vĩnh Thạnh: 14 hộ (thị trấn Vĩnh Thạnh và xã Vĩnh Hiệp).

hiện đồng bộ trong cả hệ thống chính trị. Trong đó tập trung ưu tiên trên 1.100 cán bộ thôn/khu phố được tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng trong công tác giảm nghèo trên địa bàn.

- Hướng dẫn nghiệp vụ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo để xác định chính xác thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo trong giai đoạn 2024 - 2025.

### **7. Kiểm tra và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện**

06 tháng, hằng năm, đột xuất, từng cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ có liên quan đến nội dung, địa bàn hỗ trợ giảm nghèo bền vững giai đoạn 2024-2025 chủ trì thực hiện các hoạt động và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện. Trường hợp có phát sinh, vướng mắc liên quan đến ngành, lĩnh vực kịp thời đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

## **IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Nguồn kinh phí thực hiện, bao gồm: Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2024 - 2025 phân bổ cho các Sở, ban, ngành và các địa phương; nguồn vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội giai đoạn 2024-2025 và nguồn huy động từ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp để thực hiện hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo từng bước vươn lên thoát nghèo.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Lao động- Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành của tỉnh sửa đổi Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh, theo đó hỗ trợ thêm 0,5 lần so với mức chuẩn trợ giúp xã hội hằng tháng cho nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm nâng cao đời sống, đảm bảo an sinh xã hội.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Tổ chức thực hiện đào tạo nghề, tập huấn, bồi dưỡng nghề cho 8.754 người lao động (nguyên nhân không có đất sản xuất: 831 người; nguyên nhân không có vốn sản xuất kinh doanh: 847 người; nguyên nhân không có công cụ, phương tiện sản xuất: 857; nguyên nhân không có kiến thức về sản xuất/kỹ năng lao động: 4.237 người; nguyên nhân có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn: 1.982 người), đề nghị các Trường Cao đẳng, doanh nghiệp, Hợp tác xã tham gia đào tạo nghề cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định phối hợp các Phòng chuyên môn của các huyện, thị xã, thành phố, UBND cấp xã:

+ Rà soát 11.522 hộ có chỉ số thiếu hụt về việc làm (6.872 hộ nghèo; 4.650 hộ cận nghèo) hướng dẫn, giới thiệu việc làm cho hộ.

+ Tổ chức sàn giao dịch tạo việc làm cho 2.382 người lao động (nguyên nhân không có đất sản xuất: 200 người; nguyên nhân không có kiến thức về sản xuất/kỹ

năng lao động: 663 người; nguyên nhân có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn: 1.519 người) hoặc hướng dẫn địa phương tạo việc làm tại chỗ cho người lao động.

+ Hướng dẫn thủ tục, đào tạo nghề định hướng, ngoại ngữ cho 29 người lao động đăng ký đi làm việc ở nước ngoài.

- Phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Công Thương, Sở Du lịch hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các dự án phát triển sản xuất cộng đồng, liên kết chuỗi liên quan về nông nghiệp, ngành nghề dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và du lịch cộng đồng cho 10.839 hộ nghèo, hộ cận nghèo (nguyên nhân không có đất sản xuất: 578 hộ; nguyên nhân không có vốn sản xuất kinh doanh: 725 hộ; nguyên nhân không có công cụ, phương tiện sản xuất: 2.147 hộ; nguyên nhân không có kiến thức về sản xuất/kỹ năng lao động: 3.851 hộ; nguyên nhân có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn: 3.088 hộ).

## **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan hướng dẫn cơ quan được giao vốn, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên cơ sở bám sát kết quả phân tích các nguyên nhân nghèo, cận nghèo liên quan như không có kiến thức về sản xuất, không có kỹ năng lao động, sản xuất.

- Thực hiện hỗ trợ cho 1.055 hộ (hộ nghèo: 876 hộ; hộ cận nghèo: 179 hộ) tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt.

- Đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện các nội dung Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh về Bảo tồn và phát triển làng nghề đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định; tuyên truyền, vận động các cơ sở ngành nghề thuộc làng nghề sử dụng lao động là các hộ nghèo, cận nghèo để tạo việc làm tăng thu nhập, ổn định đời sống và vươn lên thoát nghèo.

## **3. Sở Y tế**

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện các nội dung cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, và Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện các nội dung liên quan, đảm bảo các hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về nhà tiêu hợp vệ sinh được tiếp cận, hướng dẫn xây dựng, cải tạo nhà tiêu hợp vệ sinh đúng tiêu chuẩn quy định.

## **4. Sở Xây dựng**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống trong ngôi nhà thuộc loại không bền chắc (chỉ số 4.1 thiếu



hụt về chất lượng nhà ở) theo Quyết định số 3336/QĐ-UBND ngày 08/09/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025; Quyết định số 4024/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện An Lão thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

### **5. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND huyện An Lão hướng dẫn địa phương xem xét, bố trí đất sản xuất cho 379 hộ nghèo, hộ cận nghèo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và theo quy định hiện hành của nhà nước để hộ nghèo, hộ cận nghèo có đất sản xuất.

- Chủ trì, kiểm tra, rà soát thống kê hộ nghèo, hộ cận nghèo vướng mắc về nhà ở, đất ở trên địa bàn tỉnh, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố kịp thời tháo gỡ hoặc đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

### **6. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương xây dựng phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở dữ liệu theo dõi, quản lý trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

- Chỉ đạo thực hiện hỗ trợ cho 10.432 hộ (hộ nghèo: 8.180 hộ; hộ cận nghèo: 2.252 hộ) sử dụng dịch vụ viễn thông và phương tiện tiếp cận thông tin (chiều thiếu hụt tiếp cận thông tin) trên địa bàn tỉnh từ các Chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững, Phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và huy động từ các nguồn lực hợp pháp khác.

- Đề nghị đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông để xem xét hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận thông tin (dịch vụ và phương tiện tiếp cận thông tin).

### **7. Ban Dân tộc tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi, lồng ghép nguồn kinh phí các Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị, Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (Tiểu dự án 3, Tiểu dự án 4) hỗ trợ phát triển sản xuất, tăng thu nhập và thực hiện chiều thiếu hụt về nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

### **8. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh**

- Chủ động phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung hỗ trợ cho vay vốn đối với đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm hỗ trợ sinh

kế, tạo công ăn việc làm và tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo, thoát cận nghèo bền vững.

- Chỉ đạo thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo để góp phần giải quyết một số tiêu chí: Cho vay giải quyết việc làm; cho vay học sinh, sinh viên thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo; cho vay xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; cho vay nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.

### **9. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh rà soát các nguồn vốn đầu tư, lồng ghép các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí nhằm phục vụ các nhu cầu thiết yếu cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh, nhất là tại huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, vận động các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bố trí sử dụng nguồn nhân lực địa phương, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các hộ chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

### **10. Sở Tài chính**

Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan trình cấp thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho các đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh theo quy định phân cấp ngân sách hiện hành.

### **11. Các Sở: Công Thương, Du lịch**

Phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh hướng dẫn cho các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất về tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề dịch vụ, kinh doanh, du lịch cộng đồng để đa dạng hóa loại hình phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, nhóm cộng đồng.

### **12. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Xây dựng Kế hoạch giảm nghèo bền vững giai đoạn 2024-2025 cụ thể, chi tiết tác động đến từng hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững, trong đó tập trung thực hiện hiện đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghề cho 8.754 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nguyên nhân (không có đất sản xuất: 831 người; không có vốn sản xuất kinh doanh: 847 người; không có công cụ, phương tiện sản xuất: 857 người; không có kiến thức, kỹ năng lao động sản xuất: 4.237 người; có người ốm đau, bệnh nặng: 1.982 người); giới thiệu việc làm cho 2.382 người lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm; phối hợp hỗ trợ cho 29 người lao động tham gia đi lao động ở nước ngoài; triển khai dự án hỗ trợ cho 10.389 hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia phát triển sản xuất cộng đồng, liên kết theo chuỗi giá trị từ các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Phân kỳ thực hiện hàng tháng, hàng quý, hàng năm, sơ kết đánh giá để rút kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh tổ chức thực hiện hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt các chiều dịch vụ xã hội cơ bản để giảm thiểu chiều thiếu hụt.

- Huy động nguồn lực tại chỗ (nhân lực và vật lực) để hỗ trợ trực tiếp cho từng hộ nghèo, hộ cận nghèo. Xác định nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo có người lao động để tập trung nguồn vốn hỗ trợ vươn lên thoát nghèo.

- Tuyên truyền, vận động người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực trong lao động sản xuất để vươn lên thoát nghèo; hoặc có các giải pháp hạn chế những hộ có lao động nhưng lười biếng, chây ì, ỷ lại sự hỗ trợ của Nhà nước, cộng đồng.

### **13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội**

- Tuyên truyền vận động, tạo sự đồng thuận ủng hộ của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng yếu thế, nỗ lực trong lao động sản xuất để có thu nhập từng bước thoát nghèo.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo giảm thiểu các chiều thiếu hụt của hộ, trong đó tập trung ưu tiên: Nhà ở, nước sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Kiểm tra và giám sát chính sách, dự án hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện trên địa bàn, đảm bảo nguồn lực hỗ trợ được sử dụng có hiệu quả, hạn chế sai sót trong quá trình tổ chức thực hiện.

*(Có các Phụ lục phân kỳ thực hiện kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2024 - 2025 kèm theo).*

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2024 - 2025 yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chủ động phối hợp, triển khai thực hiện.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: LĐTĐ, KHĐT, TC, YT, NNPTNT, TTTT, TNMT, XD, CT, DL;
- Ban Dân tộc tỉnh; NHCSXH tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K20.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hải Giang**

**PHỤ LỤC SỐ 1**  
**PHÂN KỲ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐẤT SẢN XUẤT**

STT	HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ	Hỗ trợ đất sản xuất		Kế hoạch thực hiện hỗ trợ đất sản xuất				
		Tổng cộng (người)	Nguyên nhân không có đất sản xuất	Năm 2024			Năm 2025	
				06 tháng đầu năm	09 tháng đầu năm	Cả năm 2024	Quý I	Quý II
1	Huyện An Lão	<b>379</b>	379			379		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>379</b>	<b>379</b>			<b>379</b>		

**PHỤ LỤC SỐ 2**  
**PHÂN KỲ THỰC HIỆN TỔNG HỢP SỐ NGƯỜI ĐĂNG KÝ CHUYÊN ĐỔI ĐÀO TẠO NGHỀ**

STT	HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghề						Kế hoạch thực hiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghề giai đoạn 2024-2025					Ghi chú
		Tổng cộng (người)	Nguyên nhân không có đất sản xuất	Nguyên nhân không có vốn sản xuất kinh doanh	Nguyên nhân không có công cụ/phương tiện sản xuất	Nguyên nhân không có kiến thức về sản xuất/kỹ năng lao động	Nguyên nhân có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn	Năm 2024			Năm 2025		
								06 tháng đầu năm	09 tháng đầu năm	Cả năm 2024	Quý I	Quý II	
1	Thành phố Quy Nhơn	11				6	5			5	6		
2	Huyện Tuy Phước	27				27				27			
3	Thị xã An Nhơn	27			27					27			
4	Huyện Phù Cát	1.789	55	499	39	564	632	60	200	450	600	739	
5	Huyện Phù Mỹ	276			4	149	123	72	162	276			
6	Thị xã Hoài Nhơn	177				41	136			41	68	68	
7	Huyện Hoài Ân	524	30	174	31	217	72	45	70	290	117	117	
8	Huyện Tây Sơn	66		4	2	15	45	20	25	50	10	6	
9	Huyện Vân Canh	1.477	298	104		847	228	128	250	760	350	367	
10	Huyện Vĩnh Thạnh	883	18	0	384	420	61	70	105	380	70	433	
11	Huyện An Lão	3.497	430	66	370	1.951	680		500	2.000		1.497	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.754</b>	<b>831</b>	<b>847</b>	<b>857</b>	<b>4.237</b>	<b>1.982</b>	<b>395</b>	<b>1.312</b>	<b>4.306</b>	<b>1.221</b>	<b>3.227</b>	

**PHỤ LỤC SỐ 3**  
**PHÂN KỲ THỰC HIỆN TỔNG HỢP SỐ NGƯỜI ĐĂNG KÝ GIỚI THIỆU VIỆC LÀM**

STT	HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ	Giới thiệu việc làm (qua các doanh nghiệp, tạo việc làm tại chỗ)				Kế hoạch thực hiện hỗ trợ giới thiệu việc làm giai đoạn 2024-2025					Ghi chú
		Tổng cộng (người)	Nguyên nhân không có đất sản xuất	Nguyên nhân không có kiến thức về sản xuất/kỹ năng lao động	Nguyên nhân có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn	Năm 2024			Năm 2025		
						06 tháng đầu năm	09 tháng đầu năm	Cả năm 2024	Quý I	Quý II	
1	Thành phố Quy Nhơn	62		26	36		20	35	17	10	
2	Huyện Tuy Phước	659		52	607		125	357	150	152	
3	Thị xã An Nhơn	0									
4	Huyện Phù Cát	434	1	249	184		110	252	90	92	
5	Huyện Phù Mỹ	147		31	116		31	147			
6	Thị xã Hoài Nhơn	118		4	114		18	62	26	30	
7	Huyện Hoài Ân	117	52	44	21	10	19	67	25	25	
8	Huyện Tây Sơn	228		5	223	26	50	72	76	80	
9	Huyện Vân Canh	80	44		36		30	44	18	18	
10	Huyện Vĩnh Thạnh	138	101		37	15	25	65	23	50	
11	Huyện An Lão	399	2	252	145		100	300		99	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.382</b>	<b>200</b>	<b>663</b>	<b>1.519</b>	<b>51</b>	<b>528</b>	<b>1.401</b>	<b>425</b>	<b>556</b>	

**PHỤ LỤC SỐ 4**

**PHÂN KỲ THỰC HIỆN TỔNG HỢP SỐ NGƯỜI THAM GIA XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG**

STT	HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ	Xuất khẩu lao động			Kế hoạch thực hiện hỗ trợ xuất khẩu lao động giai đoạn 2024-2025					Ghi chú
		Tổng cộng (người)	Nguyên nhân không có kiến thức về sản xuất/kỹ năng lao động	Nguyên nhân có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn	Năm 2024			Năm 2025		
					06 tháng đầu năm	09 tháng đầu năm	Cả năm 2024	Quý I	Quý II	
1	Thành phố Quy Nhơn									
2	Huyện Tuy Phước									
3	Thị xã An Nhơn									
4	Huyện Phù Cát	2		2			2			
5	Huyện Phù Mỹ	3	2	1		2	3			
6	Thị xã Hoài Nhơn									
7	Huyện Hoài Ân	14	8	6			8	6		
8	Huyện Tây Sơn									
9	Huyện Vân Canh									
10	Huyện Vĩnh Thạnh	1					1			
11	Huyện An Lão	9	4	5		4	9			
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29</b>	<b>14</b>	<b>15</b>		<b>6</b>	<b>23</b>	<b>6</b>		

**PHỤ LỤC SỐ 5**  
**PHÂN KỲ THỰC HIỆN TỔNG HỢP HỖ TRỢ CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO VAY VỐN TÍN DỤNG ƯU ĐÃI NGÂN HÀNG CSXH TỈNH**  
**GIẢI ĐOẠN 2024-2025**

T T	HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ	Nhu cầu về vốn vay tín dụng ưu đãi							Kế hoạch thực hiện hỗ trợ vốn vay tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2024-2025										
		Tổng cộng hộ/triệu đồng		Nguyên nhân không có đất sản xuất		Nguyên nhân không có vốn sản xuất kinh doanh		Nguyên nhân không có công cụ/phương tiện sản xuất		Năm 2024					Năm 2025				
										6 tháng đầu năm		9 tháng đầu năm		Năm 2024		Quý I		Quý II	
		Hộ	Triệu đồng	Hộ	Triệu đồng	Hộ	Triệu đồng	Hộ	Triệu đồng	Hộ	Triệu đồng	Hộ	Triệu đồng	Hộ	Triệu đồng	Hộ	Triệu đồng	Hộ	Triệu đồng
1	TP. Quy Nhơn	1	54					1	54					1	54				
2	Huyện Tuy Phước	0	0																
3	Thị xã An Nhơn	68	4.862					68	4.862					68	4.862				
4	Huyện Phù Cát	824	30.780			699	24.453	125	6.327			200	3.600	400	9.600	224	11.580	200	9.600
5	Huyện Phù Mỹ	189	9.950			176	9.150	13	800	77	5.230	80	5.433	189	9.950				
6	Thị xã Hoài Nhơn	25	1.300			25	1.300							25	1.300				
7	Huyện Hoài Ân	243	14.530			196	12.200	47	2.330					200	10.530	43	4.000		
8	Huyện Tây Sơn	89	5.255			51	2.800	38	2.455					51	2.800	38	2.455		
9	Huyện Vân Canh	1.203	68.808	34	1.750	181	11.729	988	55.329			203	11.500	680	38.760	223	12.710	300	17.330
10	Huyện Vĩnh Thạnh	1.190	84.857			1	100	1.189	84.757	250	17.500	320	22.400	820	57.400	250	17.500	120	9.950
11	Huyện An Lão	253	19.539			66	6.500	187	13.039	213	14.990			253	19.539				
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.085</b>	<b>239.935</b>	<b>34</b>	<b>1.750</b>	<b>1.395</b>	<b>68.232</b>	<b>2.656</b>	<b>169.953</b>	<b>540</b>	<b>37.720</b>	<b>803</b>	<b>42.933</b>	<b>2.687</b>	<b>154.795</b>	<b>778</b>	<b>48.245</b>	<b>620</b>	<b>36.890</b>





## PHỤ LỤC SỐ 6

## PHÂN KỲ THỰC HIỆN SỐ HỘ ĐÃ ĐĂNG KÝ THAM GIA HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

ST T	HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ	Dự án phát triển sản xuất						Kế hoạch thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2024-2025					Ghi chú
		Tổng cộng (hộ)	Nguyên nhân không có đất sản xuất	Nguyên nhân không có vốn sản xuất kinh doanh	Nguyên nhân không có công cụ/phương tiện sản xuất	Nguyên nhân không có kiến thức về sản xuất/kỹ năng lao động	Nguyên nhân có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn	Năm 2024			Năm 2025		
								06 tháng đầu năm	09 tháng đầu năm	Cả năm 2024	Quý I	Quý II	
1	Thành phố Quy Nhơn	29				5	24			29			
2	Huyện Tuy Phước	145				7	138		45	100	25	20	
3	Thị xã An Nhơn	322			153		169		35	122	100	100	
4	Huyện Phù Cát	1.667	29	475	73	283	807	30	480	863	400	404	
5	Huyện Phù Mỹ	416			8	147	261	190	97	300	116		
6	Thị xã Hoài Nhơn	248		1		56	191	20	80	130	118		
7	Huyện Hoài Ân	1.574	32	44	62	932	504	150	358	902	300	372	
8	Huyện Tây Sơn	552		2	31	59	460	50	125	257	195	100	
9	Huyện Vân Canh	2.129	41	203	772	881	232	180	430	1005	560	564	
10	Huyện Vĩnh Thạnh	1.817	97		1.023	607	90	205	300	942	350	525	
11	Huyện An Lão	1.490	379		25	874	212		381	498	588	404	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.389</b>	<b>578</b>	<b>725</b>	<b>2.147</b>	<b>3.851</b>	<b>3.088</b>	<b>825</b>	<b>2.331</b>	<b>5.148</b>	<b>2.752</b>	<b>2.489</b>	

**PHỤ LỤC SỐ 7**  
**KẾ HOẠCH GIAO GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2024-2025**

TT	HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ	Hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2024											Kế hoạch 2025 (dự kiến)							
		Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng số hộ nghèo và cận nghèo	Hộ nghèo		Giảm hộ nghèo		Hộ cận nghèo		Giảm hộ cận nghèo		Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều	Hộ nghèo				Hộ cận nghèo			
				Hộ	Tỷ lệ %	Giảm số hộ	Tỷ lệ giảm %	Hộ	Tỷ lệ %	Giảm số hộ	Tỷ lệ giảm %		Hộ	Tỷ lệ %	Giảm hộ nghèo		Hộ	Tỷ lệ %	Giảm hộ cận nghèo	
															Số hộ giảm	Tỷ lệ giảm			Số hộ giảm	Tỷ lệ giảm
A	B	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
1	Quy Nhơn	0,20	144	10	0,01	43	0,06	134	0,18	12	0,02	0,08	0		10	0,01	94	0,13	40	0,05
2	Tuy Phước	1,93	1.066	295	0,54	1.005	1,82	771	1,40	94	0,17	1,99	245	0,44	50	0,09	671	1,22	100	0,18
3	An Nhơn	1,86	963	137	0,27	602	1,16	826	1,60	249	0,48	1,64	87	0,17	50	0,1	426	0,82	400	0,77
4	Phù Cát	4,44	2.489	267	0,48	1.032	1,84	2.222	3,97	97	0,17	2,01	217	0,39	50	0,09	1.322	2,36	900	1,61
5	Phù Mỹ	2,35	1.146	279	0,57	848	1,74	867	1,78	95	0,19	1,93	229	0,47	50	0,1	767	1,57	100	0,2
6	Hoài Nhơn	2,72	1.652	45	0,07	574	0,95	1.607	2,64	284	0,47	1,42	25	0,04	20	0,03	807	1,33	800	1,32
7	Hoài Ân	7,05	1.971	819	2,93	684	2,44	1.152	4,12	47	0,17	2,61	419	1,5	400	1,43	452	1,62	700	2,5
8	Tây Sơn	4,70	1.802	397	1,04	825	2,15	1.405	3,67	35	0,09	2,24	297	0,78	100	0,26	805	2,1	600	1,57
9	Vân Canh	25,55	2.321	791	8,71	964	10,61	1.530	16,84	97	1,07	11,68	448	4,93	343	3,78	930	10,24	600	6,6
10	Vĩnh Thạnh	19,08	1.944	989	9,71	1.145	11,24	955	9,37	73	0,72	11,96	545	5,35	444	4,36	655	6,43	300	2,94